ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 661 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 343/TTr-SNN ngày 20/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Chủ tịch LM HTX tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Công Thiên

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HB, TLe.

NN-2.22

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 661 / QĐ-UBND ngày 13/3 /2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, chế biến, tiêu thụ nông sản và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Đối tượng

Các tổ chức, cá nhân trong nước tham gia sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp, chế biến, tiêu thụ nông sản và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng

1. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi hoặc liên kết chuyển đổi cây trồng theo kế hoạch được duyệt với quy mô vùng chuyển đổi từ 02 ha trở lên đối với cây hàng năm và 05 ha trở lên đối với cây lâu năm.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống cây trồng đạt tiêu chuẩn chất lượng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo quy trình kỹ thuật.

Hỗ trợ một lần 30% kinh phí vật tư xây dựng mới hệ thống tưới nước tiết kiệm phục vụ sản xuất. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/ha đối với cây lâu năm và không quá 20 triệu đồng/ha đối với cây hàng năm.

3. Phương thức hỗ trợ

Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện chính sách hỗ trợ thông qua UBND cấp xã quản lý tổ chức thực hiện theo kế hoạch chuyển đổi cây trồng hàng năm được UBND cấp huyện phê duyệt.

4. Trình tự thực hiện

a) Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cây trồng hàng năm

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển đổi gửi 01 Đơn đăng ký chuyển đổi cây trồng *(theo mẫu quy định tại phụ lục 1)* đến UBND cấp xã nơi quản lý đất chuyển đổi.

- UBND cấp xã căn cứ Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi cây trồng giai đoạn 2016-2020, kế hoạch chuyển đổi cây trồng giai đoạn 2016-2020 của UBND cấp huyện (nếu có) và đơn đăng ký chuyển đổi để xây dựng kế hoạch chuyển đổi hàng năm của các tổ chức, cá nhân, tổng hợp gửi UBND cấp huyện phê duyệt.

Danh mục cây trồng hàng năm, lâu năm và định mức giống, phân bón, thuốc BVTV để chuyển đổi *(theo phụ lục đính kèm)*.

** Trường hợp thành lập Tổ hợp tác để liên kết chuyển đổi cây trồng thì trình tự, thủ tục thành lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác và Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.*

Kinh phí hỗ trợ thành lập Tổ hợp tác thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020.

b) Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi cây trồng hàng năm

UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chuyển đổi cây trồng hàng năm trên địa bàn cấp xã quản lý. Tổng hợp kế hoạch chuyển đổi cây trồng và kế hoạch thành lập tổ hợp tác để liên kết chuyển đổi gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp trước ngày 30/6 hàng năm.

Điều 4. Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn

1. Điều kiện hỗ trợ

Hỗ trợ trên cơ sở dự án hoặc phương án hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn do doanh nghiệp hoặc tổ chức đại

diện nông dân xây dựng được UBND tỉnh phê duyệt; quy mô diện tích tối thiểu vùng sản xuất theo từng nhóm cây trồng như sau: Cây công nghiệp ngắn ngày 20 ha; cây lâu năm 15 ha; cây lương thực 10 ha; cây dược liệu 03 ha; cây thực phẩm 02 ha.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ nông dân một lần 30% kinh phí vật tư xây dựng mới hệ thống tưới nước tiết kiệm phục vụ sản xuất trong dự án cánh đồng lớn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/ha đối với cây lâu năm và không quá 20 triệu đồng/ha đối với cây hàng năm.

Hỗ trợ doanh nghiệp 50% kinh phí để thực hiện cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn.

3. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân và nông dân sau khi thực hiện đầu tư theo từng hạng mục và nội dung công việc.

4. Trình tự thực hiện

Thực hiện theo quy trình quy định tại Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Văn bản đồng ý chủ trương xây dựng cánh đồng lớn của Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

Điều 5. Ứng dụng công nghệ cao, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP)

1. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP); quy mô sản xuất tối thiểu: 02 ha đối với cây rau; 05 ha đối với cây lâu năm; 0,5 ha đối với cây hoa; 200 m2 nhà trồng đối với nấm.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 50% chi phí đầu tư xây dựng nhà sơ chế đóng gói, nhà lưới, nhà kính, hệ thống tưới tiết kiệm để trồng hoa, rau, cây lâu năm. Mức hỗ trợ tối đa 150 triệu đồng/cơ sở.

Hỗ trợ một lần 50% chi phí xây dựng nhà trồng nấm. Mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/cơ sở.

Hỗ trợ một lần 50% chi phí cấp giấy chứng nhận lần đầu tiêu chuẩn GlobalGAP. Mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/cơ sở.

Hỗ trợ 50% kinh phí lấy mẫu, phân tích mẫu sản phẩm hàng năm để duy trì việc sản xuất theo VietGAP đã được chứng nhận. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/lần/năm/cơ sở. Thời gian hỗ trợ 02 năm kể từ ngày được cấp chứng nhận lần đầu.

3. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động.

4. Trình tự thực hiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến UBND cấp xã nơi thực hiện. UBND cấp xã tổng hợp đề nghị hỗ trợ trình UBND cấp huyện tổ chức thẩm định các nội dung đề nghị hỗ trợ. Thời gian thực hiện trước tháng 6 hàng năm.

Điều 6. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung

1. Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở chăn nuôi nằm trong quy hoạch có quy mô tối thiểu 100 con heo hoặc 30 con bò hoặc 4.000 con gà.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần 50% chi phí mua máy, thiết bị để lắp đặt, xây dựng hệ thống sơ chế, cung cấp thức ăn, nước uống; hệ thống xử lý chất thải, điều hoà không khí trong trại chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

3. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động.

4. Trình tự thực hiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến UBND cấp xã nơi thực hiện. UBND cấp xã tổng hợp đề nghị hỗ trợ trình UBND cấp huyện tổ chức

thẩm định các nội dung đề nghị hỗ trợ. Thời gian thực hiện trước tháng 6 hàng năm.

Điều 7. Xây dựng mới, cải tạo cơ sở giết mổ gia súc gia cầm

1. Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm xây dựng mới nằm trong quy hoạch, có dự án đầu tư cơ sở giết mổ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy mô giết mổ một ngày đêm phải đạt tối thiểu 30 con bò, trâu hoặc 100 con heo hoặc 1.000 con gia cầm.

Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ đang hoạt động, nằm trong quy hoạch có phương án cải tạo sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn thực phẩm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy mô giết mổ một ngày đêm phải đạt tối thiểu 5 con bò, trâu hoặc 20 con heo hoặc 200 con gia cầm.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ thấp nhất 800 triệu đồng/dự án xây dựng mới hoặc thấp nhất 100 triệu đồng/phương án cải tạo, nâng cấp để đầu tư cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và trang thiết bị; dự án xây dựng mới có công suất giết mổ lớn hơn so với điều kiện hỗ trợ thì mức hỗ trợ được tăng tương ứng nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án.

Trường hợp dự án xây dựng mới chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ 70% chi phí đầu tư. Mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/dự án.

Miễn tiền thuê mặt bằng để đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trong khu giết mổ tập trung theo quy hoạch. Thời gian miễn tối đa 03 năm kể từ ngày công trình hoàn thành (thời gian đầu tư xây dựng không quá 03 năm).

Hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm sau giết mổ cho cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trong khu giết mổ tập trung theo quy hoạch. Mức hỗ trợ cụ thể theo từng dự án được phê duyệt. Thời gian hỗ trợ tối đa 01 năm kể từ ngày cơ sở đi vào hoạt động.

3. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân xây dựng mới, cải tạo cơ sở giết mổ gia súc gia cầm sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án, phương án

a. Thẩm quyền phê duyệt

UBND cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới hoặc phương án cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.

b. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới hoặc phương án cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm thực hiện theo quy định hiện hành.

UBND cấp huyện có văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định của các sở, ban, ngành có liên quan trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư.

Điều 8. Sản xuất diêm nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ

Hợp tác xã, cá nhân đang sản xuất muối trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay để đầu tư sản xuất muối kết tinh trên bạt. Định mức cho vay tối đa không quá 50 triệu đồng/ha. Hạn mức vay tối đa đối với cá nhân không quá 250 triệu đồng, đối với Hợp tác xã không quá 500 triệu đồng. Thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa 02 năm tính từ ngày giải ngân vốn vay.

3. Phương thức hỗ trợ

Thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa, Ngân sách nhà nước tỉnh thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn.

Ngân sách nhà nước tỉnh chỉ hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các khoản vay trong hạn. Những khoản vay bị chuyển nợ quá hạn hoặc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ không được hỗ trợ kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn hoặc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay đã ký hợp đồng vay vốn trước ngày 31/12/2020.

4. Trình tự thực hiện

- HTX, cá nhân có nhu cầu vay vốn được hỗ trợ làm đơn đăng ký gửi UBND cấp xã nơi thực hiện phương án (theo mẫu_phụ lục 2).

- UBND cấp xã xem xét và xác nhận trên đơn đăng ký của HTX, cá nhân về việc đáp ứng điều kiện được hỗ trợ, diện tích đất sản xuất muối.

- HTX, cá nhân trực tiếp liên hệ với ngân hàng để thực hiện các thủ tục vay vốn.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm thông báo cho UBND cấp xã các trường hợp đủ điều kiện vay vốn, mức cho vay, thời hạn vay, để tổng hợp gửi UBND cấp huyện theo dõi.

Điều 9. Sản xuất ngành nghề nông thôn

1. Điều kiện hỗ trợ

Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay cho các tổ chức, cá nhân vay vốn để đầu tư trang thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất sản phẩm ngành nghề nông thôn. Hạn mức vay tối đa đối với cá nhân không quá 250 triệu đồng, đối với tổ chức không quá 500 triệu đồng. Thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa 03 năm tính từ ngày giải ngân vốn vay.

3. Phương thức hỗ trợ

Thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa, Ngân sách nhà nước tỉnh thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn.

Ngân sách nhà nước tỉnh chỉ hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các khoản vay trong hạn. Những khoản vay bị chuyển nợ quá hạn hoặc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ không được hỗ trợ kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn hoặc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Ngân sách Nhà nước tỉnh hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay đã ký hợp đồng vay vốn trước ngày 31/12/2020.

4. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu vay vốn được hỗ trợ làm đơn đăng ký gửi UBND cấp xã nơi thực hiện phương án (theo mẫu_phụ lục 2).

- UBND cấp xã xem xét và xác nhận trên đơn đăng ký của tổ chức, cá nhân về việc đáp ứng điều kiện được hỗ trợ.

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp liên hệ với ngân hàng để thực hiện các thủ tục vay vốn.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm thông báo cho UBND cấp xã các trường hợp đủ điều kiện vay vốn, mức cho vay, thời hạn vay, để tổng hợp gửi UBND cấp huyện theo dõi.

Chương III

CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ kinh phí hàng năm

1. Đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 3, 4, 5, 6,7.

Trước tháng 7 hàng năm, UBND cấp huyện tổng hợp kế hoạch đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT. Riêng đối với nội dung hỗ trợ chuyển đổi cây trồng năm 2017, thời gian thực hiện trước tháng 4/2017.

Trước ngày 20/7 hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp kế hoạch hỗ trợ của UBND cấp huyện gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ. Riêng đối với nội dung hỗ trợ chuyển đổi cây trồng năm 2017, thời gian thực hiện trước tháng 5/2017.

2. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 8, 9.

Định kỳ 6 tháng, trước ngày 10 tháng 6 và tháng 12 hàng năm, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa báo cáo tổng số tiền lãi vay của các đối tượng được hỗ trợ đến 20/6 và 31/12 cho Sở Tài chính. Đồng thời, chậm nhất ngày 30/6 và 31/12, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa cung cấp chứng từ thu lãi tiền vay của các đối tượng được hỗ trợ cho Sở Tài chính.

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch nguồn vốn thực hiện chính sách hàng năm; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Lập danh mục các dự án dự kiến được ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2017-2020 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/3/2017 để báo cáo UBNd tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh bổ sung vao danh mục kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 2016-2020.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách hàng năm, tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung những nội dung cho phù hợp.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì và phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách.

- Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ.

- Hướng dẫn về biểu mẫu, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ lãi suất vốn vay; công tác thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện chính sách.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT đẩy mạnh triển khai thực hiện các đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; xây dựng và phát triển thêm các mô hình sản xuất có hiệu quả; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý tiến tới hình thành thương hiệu.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện các chính sách về đất đai và bảo vệ môi trường;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và chính quyền các cấp hướng dẫn, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

6. Sở Công thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện quảng bá và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Khánh Hòa, các cơ quan thông tin, đại chúng, các cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng Quyết định này để các địa phương, tổ chức, cá nhân biết, tham gia thực hiện có hiệu quả.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khánh Hòa

Chỉ đạo Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay.

Điều 12. Trách nhiệm UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân về các nội dung của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020 để các tổ chức, cá nhân biết, chủ động tham gia hiệu quả.

- Hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ động kiểm tra, giám sát chính sách hỗ trợ trên địa bàn; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này.

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương, trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách phải báo cáo UBND cấp huyện, UBND tỉnh để kiểm tra, xử lý theo đúng quy định.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND cấp huyện.

Điều 14. Trách nhiệm của người sản xuất

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả. Tuân thủ chặt chẽ quy trình, quy phạm kỹ thuật trong sản xuất.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký đầu tư, hỗ trợ, thanh quyết toán theo hướng dẫn của các cơ quan liên quan.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, các chủ đầu tư dự án, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Công Thiên

Phụ lục. Danh mục cây trồng hàng năm, lâu năm
và định mức giống, phân bón, thuốc BVTV
(Ban hành kèm theo Quyết định số 661 /QĐ-UBND ngày 13 / 3 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Cây trồng	Giống	Phân bón *(Chủng loại, định mức)*	Thuốc BVTV *(Chủng loại, định mức)*
I	**Cây hàng năm**			
1	Ngô	20kg/ha	Phân Urê: 450kg/ha	Thuốc trừ sâu: 32 gói/ha
			Lân super: 600kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 2 lít /ha
			Kali clorua: 200kg/ha	Thuốc trừ cỏ: 25 chai/ha
2	Ớt	80 gói/ha	Phân Urê: 300 kg/ha	
			Lân Super: 300 kg/ha	Thuốc trừ sâu: 20 gói/ha
			Kali clorua: 400 kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 25 gói
			Phân hữu cơ: 2.500 kg/ha	
			Phân bón lá: 20 chai/ha	
3	Dứa	66.000 chồi/ha	Phân Urê: 1.200 kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 20kg/ha
			Lân Super: 1.600 kg/ha	
			Kali clorua: 1.800 kg/ha	
			Đất đèn xử lý ra hoa: 80 kg/ha x	
4	Hành	600kg/ha	Phân Urê: 200 kg/ha	Thuốc trừ sâu: 20 gói/ha
			Lân Super: 300 kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 25 gói
			Kali clorua: 300 kg/ha	
			Phân chuồng: 15.000kg/ha	
5	Dưa leo	50gói/ha	Phân Urê: 250kg/ha	Thuốc trừ sâu: 28 gói/ha
			Lân super: 350kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 20 gói/ha
			Kali clorua: 300kg/ha	Thuốc trừ cỏ: 10 chai/ha
			Phân hữu cơ: 2.000 kg/ha	
			Phân bón lá: 20 chai/ha	

TT	Cây trồng	Giống	Phân bón *(Chủng loại, định mức)*	Thuốc BVTV *(Chủng loại, định mức)*
6	Khổ qua	240kg/ha	Phân Urê: 300kg/ha	Thuốc trừ sâu: 20 gói/ha
			Lân super: 350kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 20 gói/ha
			Kali clorua: 300kg/ha	Thuốc trừ cỏ: 10 chai/ha
			Phân hữu cơ: 1.500 kg/ha	
			Phân bón lá: 20 chai/ha	
7	Tỏi	700kg/ha	Phân Urê: 115kg/ha	Thuốc trừ cỏ: 10 chai/ha
			Lân super: 700kg/ha	Thuốc trừ sâu: 16gói/ha
			Kali clorua: 160kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 25 gói/ha
			NPK 16-16-8-13S: 300kg/ha	
			Phân chuồng: 20 tấn/ha	
8	Kiệu	1.200kg/ha	Phân Urê: 120kg/ha	Thuốc trừ sâu: 16gói/ha
			Lân super: 300kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 15 gói/ha
			Kali clorua: 300kg/ha	
			Phân hữu cơ: 4.000 kg/ha	
9	Mía	30000 hom/ha	Phân Urê: 400kg/ha	
			Lân super: 600kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 6kg/ha
			Kali clorua: 400kg/ha	
			Vôi bột: 700kg/ha	
10	Mía tím	10.500kg/ha	Phân Urê: 400kg/ha	
			Lân super: 600kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 6kg/ha
			Kali clorua: 400kg/ha	
			Vôi bột: 700kg/ha	
11	Lạc	220kg/ha	Phân Urê: 80kg/ha	Thuốc trừ sâu: 20 gói/ha
			Lân super: 600kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 20 gói/ha
			Kali clorua: 200kg/ha	Thuốc trừ cỏ: 10 chai/ha
			Phân hữu cơ: 1.500 kg/ha	
			Vôi bột: 500 kg/ha	

TT	Cây trồng	Giống	Phân bón *(Chủng loại, định mức)*	Thuốc BVTV *(Chủng loại, định mức)*
12	Rau các loại		Phân Urê: 200kg/ha	Thuốc trừ sâu: 16 gói/ha
			Lân super 350kg/ha	Thuốc trừ bệnh: 15 gói/ha
			Kali Clorua 200kg/ha	Thuốc trừ cỏ: 10 chai/ha
			Phân hữu cơ: 1.000kg/ha	
II	**Cây lâu năm**			
13	Mít	250 cây/ha	Phân Urê: 570 kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 8 kg/ha
			Lân Super: 620 kg/ha	
			Kali clorua: 330 kg/ha	
			Phân hữu cơ: 3.000kg/ha	
14	Bưởi	300 cây/ha	Phân Urê: 300 kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 6kg/ha
			Lân super: 500kg/ha	
			Kali clorua: 400kg/ha	
			Phân hữu cơ: 3.000kg/ha	
15	Xoài	300 cây/ha	Phân Urê: 570 kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 8 kg/ha
			Lân Super: 620 kg/ha	
			Kali clorua: 330 kg/ha	
			Phân hữu cơ sinh học: 30 lít/ha	
16	Táo	500 cây/ha	Phân Urê: 450kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 8 lít/ha
			Lân super: 450kg/ha	
			Kali clorua: 250kg/ha	
			Phân hữu cơ: 3.000kg/ha	
			Phân bón lá: 2kg/ha	
17	Chôm chôm	250 cây/ha	Phân Urê: 570kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 14kg/ha
			Lân super: 620kg/ha	
			Kali clorua: 330kg/ha	
			Phân hữu cơ: 3.000kg/ha	

TT	Cây trồng	Giống	Phân bón *(Chủng loại, định mức)*	Thuốc BVTV *(Chủng loại, định mức)*
18	Sầu riêng	200 cây/ha	Phân Urê: 570 kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 8kg/ha
			Lân super: 620kg/ha	
			Kali clorua: 330kg/ha	
			Phân hữu cơ: 3.000kg/ha	
19	Hồ tiêu	2000 cây/ha	Phân Urê: 600 kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật : 6kg/ha
			Lân super: 800kg/ha	
			Kali clorua: 900kg/ha	
			Phân hữu cơ: 3.000kg/ha	
20	Cà phê	1500 cây/ha	Phân Urê: 400 kg/ha	Thuốc bảo vệ thực vật: 6kg/ha
			Lân super: 600kg/ha	
			Kali clorua: 600kg/ha	
			Phân hữu cơ: 3.000kg/ha	

Phụ lục 1. MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn……..

1. Tên người đại diện của tổ chức, cá nhân:……

2. Địa chỉ:……..

3. Diện tích chuyển đổi … (m^2, ha), thuộc thửa đất số … ,tờ bản đồ số.....khu vực, cánh đồng.....

4. Hiện trạng canh tác vùng chuyển đổi:……..

5. Cây trồng chuyển đổi:……

6. Thời gian thực hiện chuyển đổi: từ tháng… năm…

....., ngày ..... tháng..... năm201...

Người đại diện tổ chức/cá nhân
(Ký, họ tên và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục 2. MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ VAY VỐN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ VAY VỐN

(Được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất)

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn.....

1. Tên tổ chức/cá nhân: ....
2. Tên người đại diện (đối với tổ chức):.....
3. Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc.....
4. CMND số:.....Cấp ngày:...../..../..... Nơi cấp:..... .....
5. Chỗ ở hiện tại:.....
6. Điện thoại (nếu có):..... .....
7. Địa chỉ đầu tư:.....
8. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ....tháng ....năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2020.

Đề nghị các cấp xem xét cho vay vốn (ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất) với nội dung sau:

- Mục đích vay vốn:.....
.....
- Số tiền dự kiến xin vay:.....

Xin cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định đối với người được hưởng hỗ trợ. Nếu làm sai, xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....,ngày ... tháng ... năm 201...

Xác nhận của UBND cấp xã	**Người đại diện tổ chức/cá nhân** *(Ký, họ tên và đóng dấu, nếu có)*